|  |
| --- |
| UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**  **“MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH**  **LÀM TỐT CÁC DẠNG TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM - LỚP 5”**  Bộ môn: Toán  Cấp học: Tiểu học  ***Năm học 2023 -2024*** |

# THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: “**Một số biện pháp** **giúp học sinh làm tốt các dạng toán về tỉ số phần trăm – lớp 5.’’**

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Học sinh lớp 5

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Lan - Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/02/1987

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên Trường Tiểu học Thái Tân

Điện thoại: 0989735587

4. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Trường Tiểu học Thái Tân

Điện thoại : 0220 3541 456

5. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Ban giám hiệu, các đồng chí cán bộ giáo viên, cán bộ thư viện quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện đầy đủ về phương tiện, đồ dùng dạy học.

- Phụ huynh học sinh quan tâm sát sao tới con em mình, phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đặc biệt là giáo viên dạy trực tiếp .

- Học sinh học Chương trình Tiểu học 2000 (35 tuần), tích cực, chủ động trong học tập, ham tìm tòi, khám phá tri thức.

6. Thời gian áp dụng sáng kiến: Năm học 2022 – 2023 và tiếp tục năm học

2023 – 2024.

7. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền:

- Tôi xin cam đoan sáng kiến trên là công trình nghiên cứu của bản thân, không sao chép hoặc vi phạm bản quyền. Những phần sử dụng tài liệu tham khảo trong sáng kiến đã được nêu rõ trong phần tài liệu tham khảo.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**  *(Kí và ghi rõ họ tên)*  ***Nguyễn Thị Lan*** | **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**  **ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Trang*** |
| THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN |  |
| TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN |  |
| MÔ TẢ SÁNG KIẾN | 1 |
| 1. **1. Tầm quan trọng của bài toán tỉ số phần trăm** | 1 |
| 1. **2. Lý do chọn đề tài** | 2 |
| 1. **3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề** | 4 |
| 1. **4. Hiệu quả của sáng kiến** | 19 |
| KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ | 21 |
| 1. **Kết luận** | 21 |
| 1. **Khuyến nghị** | 22 |

**TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Mỗi môn học ở Tiểu học đều góp phần hình thành và phát triển nhân cách con người. Là cơ sở ban đầu rất quan trọng cùng với các môn khác trong giáo dục môn Toán có một vị trí rất quan trọng vì:

Các kiến thức môn Toán trong trường tiểu học là nền tảng và có ứng dụng đầu tiên trong cuộc sống hàng ngày. Môn Toán là một môn học rất cần thiết cho con người lao động ở mọi nơi, mọi lúc. Môn Toán cần thiết để học tốt các môn khác và học tiếp lên các lớp trên.

Môn Toán giúp học sinh nhận biết về mối quan hệ số lượng, hình dạng không gian của thế giới hiện thực xung quanh và biết cách hoạt động có hiệu quả trong cuộc sống.

Môn Toán đã góp phần không nhỏ vào việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phương pháp giải quyết vấn đề. Nó góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, sáng tạo, tính chính xác tuyệt đối. Nó góp phần vào việc hình thành các phẩm chất cần thiết và quan trọng của con người lao động mới, con người làm việc có kế hoạch, nền nếp tác phong trong khoa học.

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện có đức, có tài, có sức khoẻ và thẩm mỹ. Con người lao động có kỹ năng nghề nghiệp, tinh thần đoàn kết toàn dân.

Vị trí và tầm quan trọng của môn Toán ở mỗi lớp, mỗi cấp có nhiệm vụ khác nhau. Đặc biệt là giai đoạn cuối cấp Tiểu học, Toán 5 vừa có nhiệm vụ hoàn thành yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh, vừa tạo cơ sở cho học sinh có thể tiếp tục học lên trung học, vừa chuẩn bị kiến thức kỹ năng cần thiết để các em có thể bước vào cuộc sống lao động. Do đó việc dạy và học môn Toán vừa phải quan tâm đến khái quát hoá nội dung học tập vừa phải đáp ứng nhu cầu của cuộc sống đời thường để học sinh dễ dàng thích nghi khi bước vào cuộc sống.

Ta thấy ở lớp 5 gần cuối cấp Tiểu học giai đoạn này môn Toán có một vị trí đặc biệt, nó củng cố kỹ năng giải toán hợp, các bài toán có lời văn. Nội dung môn Toán rất thực tế với cuộc sống đời thường, gần gũi với đời sống của các em. Học sinh phải biết đọc và tìm hiểu kỹ nội dung bài toán, hiểu biết được các thuật ngữ quan trọng trong toán học, biết diễn đạt bài toán một cách dễ hiểu nhất, biết chỉ rõ tình huống toán học. Trên cơ sở đó học sinh biết nhận dạng toán, cách giải và biết trình bày bài giải của mình một cách tốt nhất.

Nội dung dạy học toán có lời văn đặc biệt là bài toán về tỉ số phần trăm ở tiểu học hết sức quan trọng. Bài toán về tỉ số phần trăm vừa là môi trường cho các em thực hành các kĩ năng tính toán vừa giúp các em vận dụng kiến thức vào cuộc sống giúp các em có thể tự giải quyết các tình huống trong đời sống thực của các em đây cũng chính là mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Tuy nhiên việc hướng học sinh giải bài toán về tỉ số phần trăm ở một số giáo viên còn lúng túng về phương pháp dẫn đến học sinh chưa hiểu bản chất của loại toán này do vậy các em còn mắc phải những sai sót đáng tiếc khi giải các bài toán về tỉ số phần trăm. Để giúp các em nắm kiến thức tốt hơn, tránh những sai sót thường gặp, tạo hứng thú khi học tập nội dung giải bài toán về tỉ số phần trăm, tôi chọn sáng kiến “Một số biện pháp giúp học sinh làm tốt dạng toán về tỉ số phần trăm –lớp 5.”

**2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến**

Điều kiện áp dụng và triển khai sáng kiến: học sinh được học 2 buổi/ ngày; giáo viên đạt chuẩn có lòng yêu nghề, say sưa, tâm huyết với sự nghiệp trồng người, luôn trăn trở với khó khăn vướng mắc trong quá trình dạy học và giáo dục.

Thời gian nghiên cứu và áp dụng sáng kiến: Tôi bắt đầu nghiên cứu, tìm tòi các giải pháp để nâng cao chất lượng Toán cho HS từ đầu năm học 2022 - 2023. Tới đầu năm học 2023- 2024 thì được áp dụng rộng rãi trong toàn trường và nhận được phản hồi tích cực từ người dạy và người học.

Đối tượng áp dụng sáng kiến:Học sinh lớp 5 các năm học 2022- 2023 đến năm học 2023- 2024.

**3. Nội dung sáng kiến**

Sáng kiến đã chỉ ra được thực trạng dạy và học Toán ở lớp 5; chỉ rõ những tồn tại về phía chương trình học, người học và người dạy; nêu được nguyên nhân của những tồn tại, đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại và khó khăn trong dạy Toán về tỉ số phần trăm ở lớp 5. Một điểm mới trong các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy các bài toán về tỉ số phần trăm cho học sinh lớp 5 đó là ứng dụng công nghệ thông tin cũng như các kĩ thuật dạy học tích cực vào dạy Toán ở lớp 5. Qua đó, bồi dưỡng lòng say mê yêu thích học Toán ở các em, góp phần vào đổi mới cách dạy học Toán, giúp học sinh có kĩ năng giải Toán lớp 5 theo hướng phát huy tính cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập.

**4. Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến**

Sau khi áp dụng các biện pháp trên vào trong dạy toán về tỉ số phần trăm ở lớp 5 thì tôi thấy giờ học diễn ra sôi nổi. Học sinh tiếp thu bài một cách chủ động. tôi thấy chất lượng giảng dạy có sự tiến bộ rõ rệt. Học sinh tiếp cận nhanh với các dữ liệu của bài toán, xác định được yêu cầu bài và dễ dàng định hướng được các bước giải của bài toán. Đặc biệt là các giải pháp đã giúp học sinh nhận dạng bài tập một cách chính xác và làm bài khá tốt.

**5. Đề xuất kiến nghị để thực hiện áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến.**

- Ban giám hiệu trường tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho giáo viên trong quá trình giảng dạy.

- Nhà trường và Phòng Giáo dục cần triển khai những giải pháp thực sự thiết thực, hiệu quả cao tới các giáo viên trong huyện để giáo viên có cơ hội bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Các cấp lãnh đạo động viên, khen thưởng các tác giả có những sáng kiến được đánh giá tốt trong nâng cao chất lượng dạy học.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Tầm quan trọng của bài toán tỉ số phần trăm:**

Toán có lời văn là một nối kết giữa toán học trong nhà trường và ứng dụng của nó trong cuộc sống và xã hội. Dạy học toán trong nhà trường ngoài việc dạy cho học sinh thực hiện thành thạo các kĩ năng về bốn 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia cho học sinh, các bài toán có lời văn giúp các em vận dụng kiến thức toán đã học vào thực tế cuộc sống, giúp các em giải quyết các tình huống trong đời sống của các em.

Toán có lời văn đặc biệt là bài toán về tỉ số phần trăm là sự phối hợp nhiều mảng kiến thức, nhiều bộ môn trong nhà trường, cũng như sự hiểu biết về tự nhiên, xã hội. Học giải toán có lời văn không những rèn luyện kỹ năng tính toán đơn thuần mà còn rèn cả kỹ năng Tiếng Việt: đặt câu, trình bày, diễn giải, rèn kỹ năng suy luận toán học. Giải toán có văn là một trong năm mặt cấu thành của dạy học toán Tiểu học.

Bài toán về tỉ số phần trăm có một vị trí quan trọng đối với toán lời văn nói chung và môn Toán lớp 5 nói riêng vì khi giảng dạng toán này học sinh phải huy động nhiều kiến thức, tri thức, kỹ năng, phương pháp của các dạng toán khác. Việc dạy bài toán về tỉ số phần trăm còn giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh lòng nhân ái, tình yêu quê hương đất nước.... Giúp học sinh hiểu sâu hơn các quan hệ “thuật ngữ” có liên quan đến Toán học đòi hỏi học sinh phải độc lập suy nghĩ, sáng tạo, năng động...

Dạy tốt toán có lời văn đặc biệt là bài toán về tỉ số phần trăm còn tạo cơ sở nền móng vững chắc để các em tiếp tục học lên lớp trên và cũng là vừa chuẩn bị kiến thức, kỹ năng để các em chuẩn bị bước vào cuộc sống đời thường. Giải Toán có lời văn có một vị trí quan trọng “đặc biệt” trong Toán Tiểu học. Nếu không có toán có lời văn thì học sinh sẽ không biết ứng dụng vào cuộc sống.

**2. Lý do chọn đề tài**

Thực trạng của việc dạy học toán có lời văn đặc biệt là bài toán về tỉ số phần trăm hiện nay ở lớp 5 còn gặp rất nhiều khó khăn về phương pháp giảng dạy, truyền thụ kiến thức cho học sinh hiểu, nhớ bài.

Việc giải toán là một trong các thước đo năng lực của học sinh, thông qua việc giải toán mà năng lực toán học của các em được bộc lộ.

Qua thực tế giảng dạy nhiều năm ở khối 5, tôi thấy các em tiếp thu dạng Toán về tỉ số phần trăm còn nhiều hạn chế cụ thể như sau:

2.1. Việc nắm bắt các kiến thức cơ bản về tỉ số phần trăm của các em còn chưa sâu. Đôi khi còn hay lẫn lộn một cách đáng tiếc. Chưa phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa tỷ số và tỷ số phần trăm, trong quá trình thực hiện phép tình còn hay nhầm lẫn, chưa hiểu ý nghĩa của phép tính.

2.2. Việc vận dụng các kiến thức cơ bản vào thực hành còn gặp nhiều hạn chế, các em hay bắt chước các bài thầy giáo hướng dẫn mẫu để thực hiện yêu cầu của bài sau nên dẫn đến nhiều sai lầm cơ bản. Cụ thể như sau:

Khi trình bày phép tính tìm tỷ số phần trăm của 2 số học sinh thực hiện quy tắc còn nhầm lẫn dẫn đến phép tính sai về ý nghĩa toán học.

Ví dụ : Một lớp học có 25 học sinh, trong đó có 13 học sinh nữ. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm học sinh cả lớp ? (Bài 3 - trang 75 - sách Toán 5.)

Học sinh thường giải như sau:

Số học sinh nữ chiếm số phần trăm học sinh cả lớp là:

13 : 25 = 0,52 × 100 = 52%

Đáp số: 52%

2.3. Đối với dạng bài “Tìm giá trị một số phần trăm của một số” và dạng bài “Tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó” học sinh chưa hiểu được bản chất của tỷ số phần trăm, dẫn đến việc lựa chọn phép tính sai ý nghĩa toán học.

Ví dụ: Một người bán 120 kg gạo, trong đó có 35% là gạo nếp. Hỏi người đó bán bao nhiêu kg gạo nếp? (Bài 2, trang 77 - Sách giáo khoa Toán)

Học sinh thường làm như sau:

1% số gạo đã bán là:

120 : 100% = 1,2 (kg)

Số gạo nếp đã bán là:

1,2 x 35 = 42 (kg)

Đáp số : 42 kg gạo nếp.

2.4. Khi giải các bài toán về tỷ số phần trăm do không hiểu rõ quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán nên các em thường mắc sai lầm .

Ví dụ: Một thư viện có 6000 quyển sách. Cứ sau mỗi năm số sách của thư viện lại tăng thêm 20% (so với số sách của năm trước). Hỏi hai năm sau thư viện sẽ có bao nhiêu quyển sách ? (Bài 4, trang 178, sách Toán 5)

Ở bài toán trên các em đã hiểu sai và cho rằng mỗi năm số sách của thư viện tăng thêm 20% nên đã giải sai như sau:

Sau hai năm số sách của thư viện tăng thêm là :

20% x 2 = 40% ( số sách thư viện hiện nay)

Từ đó các em tính số sách của thư viện có sau hai năm nữa là:

6000 + 6000 x 40 : 100 = 8400 (quyển)

Đáp số: 8400 quyển

Từ những thực trạng trên, để khảo sát chất lượng học tập dạng toán về tỉ số phần trăm tôi đã cho học sinh 3 lớp làm bài khảo sát sau:

**Đề bài**

Bài 1: Lớp 5B có 24 học sinh nữ, 12 học sinh nam. Tìm tỉ số phần trăm của HS nam so với HS nữ.

Bài 2: Một lớp học có 45 học sinh, trong đó có 20% số học sinh đạt Giỏi. Tính số học sinh không đạt Giỏi của lớp học đó.

Bài 3: Một người bán chiếc quạt với giá 300 000 đồng thì được lãi 10% trong giá bán. Hỏi để lãi 15% giá gốc thì phải bán chiếc quạt với giá bao nhiêu tiền?

***Kết quả thu được như sau:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Điểm 9 - 10 | | Điểm 7 - 8 | | Điểm 5 - 6 | | Điểm dưới 5 | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 5A | 40 | 5 | 12,5 | 15 | 37,5 | 15 | 37,5 | 5 | 12,5 |
| 5B | 40 | 6 | 15,0 | 15 | 37,5 | 15 | 37,5 | 4 | 10,0 |
| 5C | 40 | 6 | 15,0 | 14 | 35,0 | 17 | 42,5 | 3 | 7,5 |

Từ bảng khảo sát trên, ta có thể biết được tỉ lệ HS nắm và vận dụng vào bài tập chưa đều, nhiều em kĩ năng nhận dạng toán và giải chưa chắc chắn.

**3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề**

**3.1. Nội dung dạy học về tỉ số phần trăm ở Tiểu học**

Theo phân phối chương trình nội dung dạy học về tỉ số phần trăm được đưa vào học cuối kì I của khối lớp 5 và được lồng ghép vào nội dung dạy chia số thập phân. Nội dung này được xây dựng trong 7 tiết bao gồm 3 dạng bài toán cơ bản:

a. Bài toán về tìm tỉ số phần trăm của hai số

b. Tìm giá trị một số phần trăm của một số.

c. Tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó.

**3.2. Một số biện pháp:**

**3.2.1. Biện pháp 1: Ôn tập cho học sinh một số kiến thức cơ bản**:

*kiến thức về tỉ số, kiến thức về tìm phân số của một số, tìm một số khi biết phân số của nó, bài toán liên quan đến đại lượng tỉ lệ,.... Vì thực chất tỉ số phần trăm cũng là một dạng của tỉ số mà thôi.*

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể về kiến thức cơ bản có liên quan đến việc dạy học “Giải toán về tỉ số phần trăm”.

Bài 1: Vườn nhà em có 30 cây xoan và 50 cây bạch đàn. Tìm tỉ số giữa số cây xoan và số cây bạch đàn. Em hiểu tỉ số ấy như thế nào ?

Bài 2: a. Tìm  của 45m c. Tìm  của m2

b. Tìm  của 35kg

Bài 3: Tìm một số biết:

a.  của nó bằng 24.

b.  của nó bằng 35 c.  của nó bằng 

- Đối với bài tập 1 sau khi học sinh đã hoàn thiện giáo viên có thể hỏi thêm để học sinh nêu tỉ số của số cây bạch đàn và cây xoan để học sinh có sự tư duy về chiều sâu từ đó mà hiểu bản chất về tỉ số.

- Đối với bài toán 2 và 3 sau khi học sinh làm giáo viên nên lưu ý học sinh “tìm phân số của một phân số cũng giống như cách tìm phân số của một số tự nhiên”, “tìm một số khi biết phân số của nó là một phân số cũng giống như cách tìm một số khi biết phân số của nó là số tự nhiên” cả hai dạng bài này đều hướng học sinh làm dưới dạng hai cách khác nhau.

Bài 2c: Tìm của m2.

Cách 1: của m2 là :  (m2)

Cách 2: của m2 là : = (m2)

Bài 3c: Tìm một số biết :  của nó bằng .

Cách 1: Số đó là: = 

Cách 2: Số đó là: 

- Để giúp các em nắm tốt các dạng cơ bản trên sau khi học sinh đã hoàn chỉnh các dạng toán trên giáo viên có thể yêu cầu học sinh khá, giỏi đặt đề bài tương tự, việc các em ra được đề bài tương tự chứng tỏ các em đã hiểu được bản chất của bài toán.

**3.2.2. Biện pháp 2: Giúp học sinh nắm chắc phương pháp giải 3 dạng bài Toán cơ bản về tỉ số phần trăm và một số lưu ý khi tiến hành dạy học 3 dạng bài này.**

**a. Dạng bài “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.**

Ví dụ : Một lớp học có 25 học sinh, trong đó có 13 học sinh nữ. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của lớp đó ? (Bài tập 3 trang 75 sách toán 5)

\* Hướng dẫn học sinh phân tích đề toán

Gọi một số học sinh đọc đề toán, cả lớp đọc thầm theo, giáo viên nêu một số câu hỏi gợi ý:

- Bài yêu cầu làm gì ? (Tìm số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số

học sinh cả lớp ?)

- Em hiểu câu hỏi của bài như thế nào ? (Nếu số học sinh cả lớp được chia làm 100 phần bằng nhau thì số học nữ chiếm bao nhiêu phần ?)

- Số học sinh cả lớp là bao nhiêu? (25 em)

- Trong đó học sinh nữ có mấy em ? (13 em)

\* Hướng dẫn tóm tắt đề bài

Với dạng bài này, các em cũng dễ dàng tóm tắt như sau :

Lớp có : 25 học sinh

Nữ có : 13 học sinh (1)

Nữ chiếm …. % ?

- Ngoài ra, giáo viên còn có thể gợi ý học sinh như sau : Bài toán yêu cầu cho biết số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm (%) nghĩa là yêu cầu ta lập tỉ số học sinh nữ và số học sinh cả lớp, cụ thể như sau:

Lớp có : 25 học sinh

Nữ có : 13 học sinh (2)

Tỉ số :  = …... % ?

- Hai cách tóm tắt đều ngắn gọn, nhưng nhìn vào cách tóm tắt (2), học sinh có thể thấy ngay hướng giải quyết của bài toán là tìm tỉ số giữa số học sinh nữ với số học sinh cả lớp rồi viết tỉ số đó dưới dạng tỉ số phần trăm.

\* Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải toán thích hợp.

Với dạng bài này, sau khi học sinh đã phân tích và tóm tắt đề bài thì học sinh sẽ dễ dàng giải bài toán theo các bước đã học về tìm tỉ số phần trăm của hai số.

\*Lưu ý : Đối với dạng thứ nhất thì học sinh thường không nhân nhẩm thương tìm được với 100 mà lại đặt tính nhân thương với 100 dẫn đến sai lầm như trong phần trình bày thực trạng của vấn đề. Cho nên trong khi cung cấp kiến thức ban đầu cho học sinh (theo ví dụ ở Sách giáo khoa Toán 5) :

Tìm tỉ số phần trăm của 315 và 600 là :

315 : 600 = 0,525

0,525 x 100 : 100 = 52,5 : 100 = 52,5 %

Giáo viên phân tích cho học sinh thấy bước 0,525 x 100 : 100 tức là:

0,525 x  (và  viết thành 100% )

Sau đó giáo viên hướng dẫn học sinh viết gọn lại cách tìm tỉ số phần trăm của 315 và 600 là:

315 : 600 x 100% = 52,5 %

Từ đó, khá nhiều học sinh áp dụng cách viết như trên để tìm tỉ số phần trăm của hai số trong khi làm dạng bài này.

**b. Dạng bài “Tìm giá trị một số phần trăm của một số.”**

- Với dạng bài này thực chất cũng chính là tìm phân số của một số, khi dạy học sinh dạng bài này để học sinh nắm chắc được cách giải giáo viên nên cho học sinh linh hoạt trong việc viết tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và ngược lại.

- Hoặc cũng có thể coi kiểu bài toán này như là một dạng toán về quan hệ tỉ lệ. Trên cơ sở đó có thể tóm tắt bài toán như một bài toán về quan hệ tỉ lệ với hai cách giải đặc trưng tương đương với hai cách ghi phép tính trong sách giáo khoa Toán 5.

Ví dụ*:* Một người bán 120 kg gạo, trong đó có 35 % là gạo nếp. Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki lô gam gạo nếp? (bài tập 2 trang 77 sách Toán 5)

**\*** Hướng dẫn học sinh phân tích đề bài:

Sau khi học sinh đọc kĩ bài toán, xác định được điều kiện bài toán đã cho biết và yêu cần tìm, giáo viên gợi ý bằng một số câu hỏi:

Bài toán cho biết “ 35% là số gạo nếp” nói lên điều gì? (Tức là tổng số gạo mà người đó bán được chia làm 100 phần bằng nhau thì số gạo nếp chiếm 35 phần như thế)

\* Hướng dẫn tóm tắt đề toán:

Với dạng bài toán này, để tránh sai lầm trong cách giải đã đề cập ở phần thực trạng trên giáo viên cần tổ chức cho các em thảo luận nhóm để tóm tắt bài toán, thông thường các em sẽ tóm tắt như sau:

100% tổng số gạo : 120 kg

35% tổng số gạo : … kg ?

Mặc dù cách tóm tắt như trên đã thể hiện được nội dung và yêu cầu của bài

toán, tuy nhiên đối với học sinh trung bình, yếu sẽ khó nhận diện được dạng toán và xác định cách giải một cách mơ hồ, cho nên giáo viên cần có câu hỏi gợi mở để học sinh đưa ra cách tóm tắt như sau:

100 phần : 120 kg

35 phần : ….kg ?

\* Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải bài toán

Từ cách tóm tắt của bài toán như trên, học sinh dễ dàng nhận ra bài toán về tỉ số phần trăm này thực chất cũng là một dạng bài toán về quan hệ tỉ lệ. Từ đó học sinh có cách giải như sau:

Giải

1% số gạo đã bán là:

Đây chính là bước rút về đơn vị trong bài toán tỉ lệ.

120 : 100 = 1,2 (kg)

Số gạo nếp đã bán là:

1,2 × 35 = 42 (kg)

Đáp số : 42 kg gạo nếp.

Đối với học sinh khá giỏi có thể làm gộp nhưng phải chỉ ra được bước rút về đơn vị:

Người đó bán được số gạo nếp là:

120 : 100 x 35 = 42 (kg)

Rút về đơn vị

Sau khi học sinh giải được bài toán, giáo viên khắc sâu lại cách giải toán bằng cách nêu câu hỏi:

Muốn tìm 35% của 120 ta làm thế nào ? (nhiều học sinh nhắc lại cách thực hiện).

\* Đối với dạng bài này, bên cạnh những bài toán rất cơ bản, sách giáo khoa còn đưa ra bài toán có nội dung hết sức thực tế và gần gũi với học sinh song đòi hỏi học sinh phải có hiểu biết rõ về tỉ số phần trăm mới có thể không mắc sai lầm khi giải bài toán này.

Ví dụ : Bài 4 – SGK Toán 5 (trang 178)

Một thư viện có 6000 quyển sách. Cứ sau mỗi năm số sách của thư viện tăng thêm 20% (so với số sách của năm trước). Hỏi sau 2 năm thư viện đó có tất cả bao nhiêu quyển sách.

Học sinh thường làm như sau:

Sau 2 năm thư viện tăng số phần trăm sách là:

20% × 2 = 40%

Sau 2 năm thư viện đó có số sách là:  
 6000 + 6000 : 100 × 40 = 8400 (cuốn).

Như vậy là học sinh đã cho rằng 20% số sách năm nay bằng 20% số sách năm sau.

Để giải quyết tình huống trên giáo viên nên cho học sinh so sánh số sách năm nay với số sách năm trước, để học sinh thấy được số sách mỗi năm là khác nhau từ đó học sinh sẽ thấy cái sai trong cách tính trên từ đó mà có cách tính số sách của thư viện cho từng năm cụ thể.

Hoặc giáo viên cũng có thể gợi cho học sinh từ giải thiết “cứ sau mỗi năm số sách của thư viện lại được tăng thêm 20% như vậy số sách của năm sau so với năm trước bằng bao nhiêu phần trăm (120%) từ đó học sinh có cách giải ngắn gọn hơn.

Chẳng hạn:

Số sách của năm sau so với năm trước chiếm số phần trăm là:

100% + 20% = 120%

Sau năm thứ nhất thư viện có số sách là:

6000 : 100 × 120 = 7200 (quyển)

Sau năm thứ hai thư viện có số sách là:

7200 : 100 × 120 = 8640 (quyển)

- Giáo viên cũng cần cung cấp cho học sinh một số thuật ngữ như “tiền mua, tiền vốn, tiền bán, tiền lãi, giá vốn, giá bán” và mối quan hệ giữa các thuật ngữ này. Vì đây là những thuật ngữ học sinh ít được tiếp xúc vì vậy khi gặp chúng trong bài toán về tỉ số phần trăm các em rất bỡ ngỡ do vậy thường khó khăn khi giải bài toán.

Ví dụ: Bài 4 – SGK Toán 5 (trang 176).

Một cửa hàng bán hoa quả (trái cây) thu được 1 800 000 đồng. Tính ra số tiền lãi bằng 20% số tiền mua. Hỏi tiền vốn để mua số hoa quả là bao nhiêu đồng ?

Với bài toán này học sinh cần hiểu một số từ “tiền mua số hoa quả”, “tiền vốn để mua số hoa quả” “tiền lãi” và quan hệ giữa “tiền bán”, “tiền lãi”, “tiền vốn”

Trên cơ sở hiểu được : “Tiền bán số hoa quả bằng tiền vốn để mua số hoa quả cộng với tiền lãi” thì học sinh sẽ biết được 1 800 000 đồng bằng bao nhiêu phần trăm tiền vốn mà có cách giải đúng.

Song bài này cũng có thể đưa về dạng toán “Tổng – Tỉ” dựa trên cách viết tỉ số phần trăm ra dưới dạng phân số như sau:

Ta có : 20% = 

Coi số tiền bán số hoa quả là 1 phần thì tiền mua số hoa quả đó là 5 phần bằng nhau như thế.

1 800 000 đồng ứng với tổng số phần bằng nhau là:

1 + 5 = 6 (phần)

Số tiền vốn để mua số hoa quả đó là:

1 800 000 : 6  5 = 1 500 000 (đồng)

Đáp số : 1 500 000 đồng

**c. Dạng bài Toán “Tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của số đó”.**

- Với dạng bài này giáo viên cũng có thể khai thác nó như một bài toán về

quan hệ tỉ lệ mà hai cách ghi phép tính tương ứng với hai cách giải của bài toán về quan hệ tỉ lệ hoặc bài toán về tìm một số khi biết phân số của nó.

Ví dụ : Số học sinh khá giỏi của trường Vạn Thịnh là 552 em, chiếm 92% số học sinh toàn trường. Hỏi trường Vạn Thịnh có bao nhiêu học sinh ? (Bài tập 1 – sách Toán 5 trang 78)

\* Hướng dẫn học sinh phân tích đề bài

Sau khi học sinh đọc kĩ đề bài , giáo viên gợi ý bằng một số câu hỏi:

* Bài toán cho biết gì ? (trường Vạn Thịnh có 552 học sinh khá giỏi chiếm 92% số học sinh toàn trường)
* Bài toán yêu cầu gì ? (tìm tổng số học sinh trường Vạn Thịnh)
* Tổng số học sinh toàn trường chiếm bao nhiêu phần trăm ? (100 %)

\* Hướng dẫn tóm tắt đề toán :

Đây là bước rất quan trọng vì nếu học sinh không tóm tắt được bài toán thì sẽ không xác định được dạng toán và không giải được bài toán .

Với bài này, giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm để tóm tắt bài toán .

Sau khi các nhóm trình bày , giáo viên hướng dẫn tóm tắt như sau:

92% học sinh toàn trường : 552 em

100% học sinh toàn trường : …. em ?

\* Hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp giải toán

Học sinh nhìn vào tóm tắt của bài toán sẽ dễ dàng nêu đượccác bước giải của bài toán:

Giải

1% số học sinh của trường Vạn Thịnh là:

Đây chính là bước rút về đơn vị trong bài toán tỉ lệ.

1. : 92 = 6 (học sinh)

Số học sinh của trường Vạn Thịnh là:

1. x 100 = 600 (học sinh)

Đáp số: 600 học sinh

Học sinh khá , giỏi có thể làm:

Số học sinh của trường Vạn Thịnh là:

552 : 92 x 100 = 600 (học sinh)

Rút về đơn vị

Đàm thoại: - Muốn tìm một số biết 92% của nó là 552, ta phải làm thế nào? (học sinh nhắc lại nội dung này)

**3. 2.3. Biện pháp 3: Mở rộng thêm một số bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm.**

- Bên cạnh những bài toán cơ bản trên tôi xin giới thiệu một số bài toán phần trăm để các bạn tham khảo khi bồi dưỡng học sinh giỏi hoặc hướng dẫn học sinh giải Violympic Toán.

***Bài 1:*** So với năm học trước số học sinh dự thi học sinh giỏi tỉnh năm học này giảm 20%. Hỏi so với năm học này, số học sinh dự thi học sinh giỏi tỉnh năm học trước giảm đi bao nhiêu phần trăm?

Với bài toán kiểu này số học sinh giỏi cụ thể hàng năm đề bài không cho biết do vậy ta cần biểu thị số học sinh giỏi của mỗi năm qua số phần bằng nhau từ đó ta đi đến cách giải.

Giải

Coi số học sinh giỏi tỉnh năm học trước là 100 phần bằng nhau thì số học sinh giỏi tỉnh năm học này ứng với 80 phần bằng nhau như thế.

Số học sinh giỏi tỉnh năm học trước so với số học sinh giỏi tỉnh năm học này chiếm số phần trăm là:

100 : 80 = 1,25 = 125%

Đáp số : 125%

***Bài 2:*** Một quả dưa hấu nặng 1kg chứa 93% nước. Sau khi để dưới nắng mặt trời lượng nước chỉ còn 90%. Hỏi khi đó quả dưa hấu còn nặng bao nhiêu?

Với bài Toán này ta cần lưu ý quả dưa hấu bao gồm chất sơ và nước. Sau khi để dưới nắng mặt trời lượng nước bị bay hơi do vậy cần tính lượng nước bị bay hơi đi, từ đó sẽ biết quả dưa hấu khi đó nặng bao nhiêu.

Giải

Đổi 1kg = 1000g

Lượng nước trong quả dưa là :

1000 : 100 × 93 = 930 (g)

Sau khi để dưới nắng mặt trời lượng nước bị bay hơi là:

930 : 100 × 10 = 93(g)

Khi đó quả dưa hấu còn nặng là :

1000 – 93 = 907 (g)

Đáp số : 907 g

***Bài 3:*** Một cửa hàng được lãi 20% so với giá bán. Hỏi cửa hàng được lãi bao nhiêu phần trăm so với giá vốn.

Giải

Coi giá bán là 100 phần bằng nhau khi đó giá vốn là:

100 – 20 = 80 (phần)

Cửa hàng đó lãi số phần trăm so với giá vốn là :

20 : 80 = 0,25 = 25%

***Bài 4:*** Nếu tăng canh của hình vuông lên 10% thì diện tích hình vuông tăng lên bao nhiêu phần trăm ?

Giải

Gọi cạnh hình vuông cũ là a, diện tích hình vuông cũ là: a × a (đơn vị đo diện tích)

Khi đó cạnh hình vuông mới là 110% × a hay 1,1× a

Diện tích hình vuông mới là : (1,1× a) × (1,1× a) = (1,1 × 1,1) ×(a × a)

= 1,11 ×(a × a)

= 111% ×(a × a)

diện tích hình vuông cũ

Diện tích của hình vuông đó tăng 11%

***Bài 5:*** Một cửa hàng sách nhân ngày 1/6 đã hạ 10% giá bán tuy vậy cửa hàng vẫn còn lãi 8% giá vốn. Hỏi ngày thường cửa hàng lãi bao nhiêu phần trăm giá vốn?

Giải

Khi hạ 10% giá bán thì giá bán khi đó chiếm 90% giá ngày thường.

Vĩ được lãi 8% giá vốn nên 90% giá bán ngày thường bằng 108% giá vốn.

Vậy giá ngày thường so với giá vốn chiếm là:



Vậy ngày thường cửa hàng lãi 20% giá vốn.

***Bài 6:*** Giá hàng hạ 20%. Hỏi với cùng một số tiền có thể mua thêm được bao nhiêu phần trăm hàng ?

Giải

Vì giá hàng hạ 20% nên chỉ cần 80% số tiền dự định mua được 100% lượng hàng dự định.

Vậy 100% số tiền dự định sẽ mua được số phần trăm hàng như dự định là:



Với cùng số tiền mua thêm được số phần trăm hàng là:

125% - 100% = 25%

Đáp số : 25%

***Bài 7:*** Giá xăng tháng 2 tăng 10% so với giá xăng tháng 1. Giá xăng tháng 3 tăng 10% so với giá xăng tháng 2. Hỏi giá xăng tháng 3 tăng bao nhiêu phần trăm so với giá xăng tháng 1 ? (violympic vòng 18 lớp 5, năm học 2012-2013)

Giải

Coi giá xăng tháng 1 là 100 phần thì giá xăng tháng 2 là :

100 + 10 = 110 (phần)

Giá xăng tháng 3 chiếm số phần là:

110 + 110 × 10 : 100 = 121 (phần)

Giá xăng tháng 3 so với giá xăng tháng 1 tăng số phần trăm là:

(121 - 100) : 100 = 21%

Đáp số : 21%

***Bài 8:*** Ngày thường giá mỗi vé xem xiếc là 60 000 đồng. Ngày 1- 6 do giảm giá vé nên số vé bán được tăng 50 % và tổng số tiền bán vé thu được cũng tăng 25%. Hỏi giá vé bán ngày 1 - 6 là bao nhiêu ? (violympic vòng 19 lớp 5 năm học 2012-2013)

Giải

Nếu bán như giá cũ thì ngày 1/6 sẽ bán được số tiền : 100% + 50% = 150% (số tiền bán được trong ngày thường).

Thực tế do giảm giá nên số tiền chỉ thu được: 100% + 25% = 125% (Số tiền bán được trong ngày thường)

Tỉ số tiền bán được trong ngày 1- 6 so với số tiền bán được ngày thường là:

150 % : 125% = 

Vì số vé như nhau (đều tăng 50% số vé so với ngày thường) nên tỉ số tiền bán được trong ngày 1- 6 so với số tiền bán được ngày thường cũng chính là tỉ số giá vé.

Giá vé ngày mùng một tháng sáu là:

60000 x  = 50 000 (đồng)

Đáp số : 50 000 đồng

***Bài 9:***Một người bán một món hàng thu được số tiền lãi bằng 15% tiền vốn. Nếu tăng tiền lãi thêm 109 600 đồng thì lúc đó số tiền lãi bằng 19% tiền bán. Tính số tiền lãi của người đó.

Giải

Tiền lãi tăng thêm nên giá bán cũng tăng thêm, còn tiền vốn là không thay đổi. Tiền lãi lúc đầu bằng  hay  tiền vốn, tiền lãi sau khi thêm 109600 đồng bằng  tiền vốn.

Vậy 109600 đồng so với tiền vốn chiếm là:

 - =  (tiền vốn)

Tiền vốn của món hàng đó là:

109 600 : 137 × 1620 = 1 296 000(đồng)

Số tiền lãi ban đầu là :

1 296 000 : 100 x 15 = 194 400(đồng)

ĐS: 194 400 đồng

***Bài 10:*** Một cửa hàng bán bánh kẹo nhập về 360 thùng bánh. Sau khi bán được 300 thùng, cửa hàng đã thu đủ số tiền vốn. Số bánh còn lại cửa hàng đã giảm giá bán 20% so với giá bán của 300 thùng đã bán. Hỏi sau khi bán hết 360 thùng bánh đó cửa hàng được lãi bao nhiêu phần trăm tiền vốn? (violympic vòng 17 lớp 5 năm học 2012-2013)

Giải

Trong 360 thùng có 300 thùng tiền vốn; Phần còn lại là 360 - 300 = 60 thùng (đó chính là tiền lời)

Tiền lời so với tiền vốn bằng :  60 : 300 =  (tiền vốn)

Tiền lời sau khi giảm còn lại :  100% - 20 % = 80% (tiền lời lúc đầu)

Tiền lời so với tiền vốn bằng :   80% ×  =  16%

Đáp số : 16%

Bài 11: Cho một hình chữ nhật. Nếu tăng chiều rộng của hình chữ nhật đó thêm 6,4 cm, đồng thời giảm chiều dài của nó đi 15% thì diện tích của hình chữ nhật tăng thêm 2%. Tính chiều rộng hình chữ nhật ban đầu?

Phân tích: Muốn tìm được chiều rộng hình chữ nhật ban đầu ta phải đi tìm xem chiều rộng sau khi tăng thêm 6,4cm so với chiều rộng ban đầu chiếm bao nhiêu phần trăm.

Từ cách tính: Chiều rộng bằng diện tích chia cho chiều dài.

Ta có cách giải sau:

Bài giải:

Coi chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu là 100%

Coi chiều dài của hình chữ nhật ban đầu là 100%

Coi diện tích của hình chữ nhật ban đầu là 100%

Thì chiều dài của hình chữ nhật sau khi giảm chiếm số phần trăm là:

100% - 15% = 85% (chiều dài ban đầu)

Diện tích hình chữ nhậtkhi đó là:

100% + 2% =102%(diện tích ban đầu)

Chiều rộng hình chữ nhật sau khi tăng 6,4 cm chiếm số phần trăm là:

102% : 85% = 120% (chiều rộng ban đầu)

Như vậy, 6,4 chiếm số phần trăm là:

120% - 100% = 20%( chiều rộng ban đầu)

Chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu là:

6,4 : 20 x 100 = 32 cm

Đáp số: 32cm

Bài 12: Chiều dài đáy của hình bình hành giảm đi 1,8 cm và chiều cao tăng lên 20% thì diện tích hình đó tăng lên 8%. Tính chiều dài đáy mới?

\* Phân tích: Muốn tìm được chiều dài đáy mới ta phải tìm xem diện tích mới và chiều cao mới chiếm bao nhiêu phần trăm để tính chiều dài đáy cũ suy ra chiều dài đáy ban đầu.

Từ cách tính chiều dài đáy bằng diện tích chia cho chu vi.

Ta có các cách giải sau:

*Cách 1*: Đổi 20% = 0,2; 8% = 0,08

Coi diện tích cũ là một đơn vị diện tích thì diện tích mới so với diện tích cũ sẽ là:

1 + 0,08 = 1,08

Coi chiều cao cũ là một đơn vị độ dài thì chiều cao mới so với chiều cao cũ là:

1 + 0,2 = 1,2

Do đó chiều dài đáy mới so với chiều dài đáy cũ sẽ là:

1,08 : 1,2 = 0,9

Coi chiều dài đáy cũ là một đơn vị độ dài thì chiều dài đáy cũ bị giảm đi:

1 – 0,9 = 0,1

Theo đề bài, chiều dài đáy giảm đi 1,8cm nên 0,1 chiều dài đáy cũng chính là 1,8cm. Do đó chiều dài đáy cũ là:

1,8 – 0,1 = 18cm

Chiều dài đáy mới là:

18 – 1,8 = 16,2 cm

Đáp số: 16,2 cm

*Cách 2*:

Đổi 1,8 cm = cm

Coi diện tích cũ là 100% thì diện tích cũ so với diện tích mới sẽ là:

100% + 8% = 108%

Coi chiều cao cũ là 100% thì chiều cao mới so với chiều cao cũ sẽ là:

100% + 20% = 120%

Do đó chiều dài đáy mới so với chiều dài đáy cũ là:

108% : 120% = 90%

Coi chiều dài đáy cũ là 100% thì chiều dài đáy cũ giảm đi là:

100% - 90% = 10%

Theo đầu bài chiều dài đáy giảm cm nên 10% cũng chính là cm

Do đó chiều dài đáy cũ sẽ là:

 : 10% = 18cm

Chiều dài đáy mới là:

18 – 1,8 = 16,2 cm

Đáp số: 16,2 cm

*Cách 3:* Theo cách hai có chiều dài đáy cũ giảm đi 10% nên 10% chiều dài đáy cũ biểu thị 1,8cm nên 100% chiều dài đáy cũ biểu thị cho số đo độ dài là:

(1,8 x 100) : 10 = 18cm

Chiều dài đáy mới là:

18 – 1,8 = 16,2 cm

Đáp số: 16,2 cm

*Cách 4:* Theo cách 2 ta có chiều dài đáy cũ giảm đi 10% nên nếu coi chiều dài đáy cũ là 100% thì tỉ số của chiều dài đáy cũ bị giảm đi là:

100% : 10% = 10

Số đo chiều dài cũ là:

1,8 x 10 = 18 cm

Chiều dài đáy mới là:

18 – 1,8 = 16,2 cm

Đáp số: 16,2 cm

*Cách 5:*

Theo cách 1 thì 0,1 chiều dài đáy cũ chính là 1,8cm nên chiều dài đáy cũ là:

1,8,: 0,1 = 18cm

Vì chiều dài đáy mới bằng 0,9 chiều dài đáy cũ nên chiều dài đáy mới là:

18 x 0,9 = 16,2 cm

Đáp số: 16,2 cm

**4. Hiệu quả của sáng kiến**

Qua việc vận dụng sáng kiến vào quá trình dạy học lớp chủ nhiệm và bồi dưỡng học sinh giỏi, tôi thấy chất lượng giảng dạy có sự tiến bộ rõ rệt. học sinh tiếp cận nhanh với các dữ liệu của bài toán, xác định được yêu cầu bài và dễ dàng định hướng được các bước giải của bài toán. Đặc biệt là các giải pháp đã giúp học sinh nhận dạng bài tập một cách chính xác và làm bài khá tốt.

Sau khi áp dụng các biện pháp, tôi cho học sinh ba lớp làm bài khảo sát.

**Đề bài:**

Câu 1: Lãi suất tiết kiệm là 0,58% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 6 000 000 đồng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

Câu 2: Một cửa hàng đặt kế hoạch tháng này bán được 12 tấn gạo, nhưng thực tế cửa hàng bán được 15 tấn gạo. Hỏi cửa hàng đă thực hiện được bao nhiêu phần trăm kế hoạch?

Câu 3: Một người vay 10 000 000 đồng với lãi suất 1% tháng. Hỏi sau 3 tháng người đó phải trả bao nhiêu tiền?(Biết lãi được nhập vốn để tính lãi tiếp tháng sau).

Kết quả thu được như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | Sĩ số | Điểm 9 - 10 | | Điểm 7 - 8 | | Điểm 5 - 6 | | Điểm dưới 5 | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 5A  (đối chứng) | 40 | 10 | 25 | 15 | 37,5 | 12 | 30 | 3 | 7,5 |
| 5B  (thực nghiệm) | 40 | 18 | 45 | 14 | 35 | 8 | 20 | 0 | 0 |
| 5C  (đối chứng) | 40 | 12 | 30 | 18 | 45 | 9 | 22,5 | 1 | 2,5 |

**KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Dạy – học giải toán có lời văn ở tiểu học đặc biệt là giải bài toán về tỉ số phần trăm có một vị trí quan trọng vì khi giải toán học sinh phải tư duy một cách tích cực, linh hoạt, sáng tạo biết huy động tất cả các kiến thức đã được học và cả kiến thức về đời sống thực tiễn của các em vào các tình huống khác nhau. Biết phát hiện ra các dữ liệu của bài toán không tường minh và ở chừng mực nào đó các em biết suy nghĩ năng động, sáng tạo. Vì vậy coi giải toán có lời văn đặc biệt là giải bài toán về tỉ số phần trăm là một trong những biểu hiện năng động nhất của hoạt động trí tuệ của học sinh.

Giải toán về tỉ số phần trăm trước hết nó giúp học sinh luyện tập, củng cố vận dụng kiến thức và thao tác thực hành đã học, rèn luyện kỹ năng tính toán, vận dụng kiến thức và kỹ năng luyện tập thực hành vào cuộc sống, nó còn giúp học sinh phát triển tư duy, rèn phương pháp suy luận logic, rèn đức tính cẩn thận, phong cách lao động của lớp người tương lai.

Qua việc nghiên cứu tôi đã rút ra những bài học quý báu cho bản thân và đồng nghiệp:

- Về quan nhận thức của giáo viên:

+ Quan niệm đúng đắn về tầm quan trọng của việc dạy giải toán có lời văn nói chung và dạng Toán **“ Giải bài toán về tỉ số phần trăm ở tiểu học”** nói riêng.

+ Luôn tâm đắc, say mê với nghề nghiệp “Tất cả vì học sinh thân yêu”

- Về phương pháp giảng dạy:

+ Giáo viên biết sử dụng linh hoạt các phương pháp, phát huy tính tích cực của học sinh.

+ Giáo viên biết quan tâm đến mọi đối tượng trong lớp.

+ Giáo viên biết tổ chức tiết học hợp lý để các em đều được tham gia vào học tập một cách tích cực.

+ Giáo viên thường xuyên cung cấp vốn từ cho học sinh để tạo điều kiện giúp học sinh nhận dạng bài toán tốt.

+ Giáo viên phải biết nắm vững những thiếu sót, sai lầm của học sinh từ đó có hướng điều chỉnh, khắc phục và cải tiến phương pháp dạy cho phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình.

+ Người giáo viên muốn dạy tốt môn Toán nói chung, dạy giải toán về tỉ số phần trăm nói riêng trước hết phải thường xuyên trau dồi cả về phương pháp và tri thức toán học, luôn học hỏi đồng nghiệp, đọc sách tham khảo.

+ Giáo viên thường xuyên kiểm tra đánh giá, động viên khích lệ kịp thời, kích thích lòng say mê học tập đạt kết quả cao.

**2. Khuyến nghị**

Xuất phát từ những vấn đề cơ bản được trình bày ở trên, tôi có một số kiến nghị sau đây:

- Giáo viên tiểu học là người góp phần quyết định trong việc thực hiện có chất lượng hoạt động dạy và học. Do đó để nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Toán nói chung, các kiến thức về giải bài toán về tỉ số phần trăm nói riêng đòi hỏi mỗi giáo viên cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học, cần tạo ra một không khí học tập thật thoải mái, tự nhiên mà ở đó học sinh có điều kiện bộc lộ hết khả năng của các em. Các em biết tự mình vươn lên để chiếm lĩnh các tri thức. Có như vậy khă năng vốn sống của các em mới được phát huy, tài năng mới được nảy nở và vun trồng, góp phần đào tạo các thế hệ tương lai cho đất nước.

- Tổ chuyên môn trong các nhà trường cần tích cực đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn bằng việc cải tiến nội dung, hình thức; cần tạo ra một môi trường mà ở đó giáo viên có thể tự giác trao đổi bàn bạc, phổ biến kinh nghiệm dạy học, cách tháo gỡ khó khăn ở từng tiết dạy, từng bài dạy.

- Các nhà trường cần tổ chức các phong trào thi đua đổi mới phương pháp dạy học, có nhiều hình thức nhằm khích lệ giáo viên tích cực đúc rút các sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy các môn học. Tổ chức phổ biến những kinh nghiệm hay, những cách làm sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, khắc phục khó khăn, tồn tại thường gặp trong các tiết học Toán.

- Cũng giống như các hoạt động chuyên môn khác như hội giảng, bồi dưỡng học sinh giỏi, thi đồ dùng dạy học,… hàng năm Phòng Giáo dục & Đào tạo nên tổ có những hình thức tuyên dương khen thưởng cho các cán bộ giáo viên có đề tài sáng kiến kinh nghiệm hay nhằm động viên khích lệ kịp thời.

Trên đây là những kinh nghiệm, những suy nghĩ của bản thân trong quá trình dạy học sinh giải các bài toán về tỷ số phần trăm ở Tiểu học. Với những kinh nghiệm đó chắc chắn sẽ không tránh khỏi những vấn đề cần bàn bạc, trao đổi và bổ sung. Rất mong được đón nhận những ý kiến đóng góp của các cấp chỉ đạo chuyên môn và đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!